

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index dành cả ngày hôm nay để vượt ngưỡng 1,900 nhưng không thành công. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,879.13 điểm, tăng hơn 14 điểm so với hôm qua, với sự đóng góp chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu Vin. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, HNX và mua ròng nhẹ trên sàn UPCOM. Tâm lý giằng co vẫn chi phối thị trường, trong những phiên tới VN-Index cần thu hẹp biên độ dao động để hình thành nền giá chặt chẽ hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.33** điểm, đóng cửa tại **1879.13** điểm. HNX-Index **-0.88** điểm, đóng cửa tại **252.28** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+11.89)**, **VHM (+3.72)**, **FPT (+2.64)**, **VCB (+1.99)**, **MWG (+0.97)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.60)**, **GVR (-1.19)**, **HDB (-1.13)**, **MCH (-1.09)**, **HVN (-0.73)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **33,366** tỷ đồng, giảm **-15.88%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 35,686 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.39 điểm. Thị trường có **143** mã tăng, 65 mã tham chiếu, **174** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1126.86** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **PNJ (-206.60 tỷ)**, **VIX (-153.99 tỷ)**, **VRE (-124.41 tỷ)**, **GMD (-104.99 tỷ)**, **VHM (-98.48 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-113.89** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+6.87%)
STB (+6.84%)
DGC (+5.32%)
- BSC50 **+0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
CMG (+6.89%)
BVH (+6.86%)
PLX (+6.80%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.21%	0.13%	0.00%	0.00%
1 tuần	4.37%	4.85%	-0.17%	-0.91%
1 tháng	13.12%	6.25%	11.42%	7.88%
3 tháng	8.19%	-2.58%	7.72%	3.56%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,879.13	252.28	127.06
% 1D	0.77%	-0.35%	0.78%
GTKL (tỷ VND)	33,366	2,030	1,326
%1D	-15.88%	-0.12%	-28.24%
GDNN (tỷ VND)	-1126.86	-113.89	12.32

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	215.19	PNJ	-206.60
VIC	97.54	VIX	-153.99
BCM	70.77	VRE	-124.41
BID	39.45	GMD	-104.99
HCM	37.76	VHM	-98.48

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

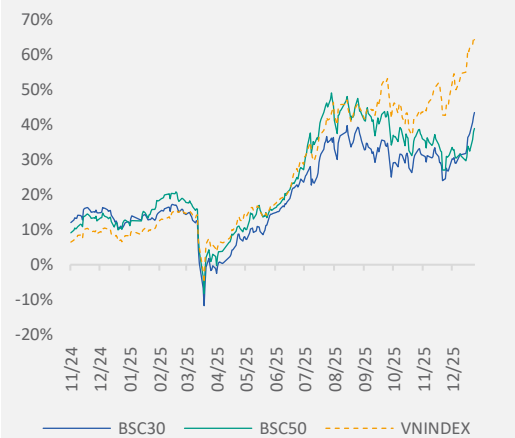
		%D	%W
SPX	6,944	0.26%	0.33%
FTSE100	10,217	-0.21%	0.91%
Eurostoxx	6,027	-0.29%	0.81%
Shanghai	4,102	-0.26%	-0.45%
Nikkei	53,936	-0.32%	5.58%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.10	0.35%
Giá vàng	4,604	-0.20%
Tỷ giá		
USD/VND	26,387	-0.02%
EUR/VND	31,269	-0.32%
JPY/VND	169	-0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	0.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	159.90	4.51%	11.89	7.73
VHM	124.10	3.42%	3.72	4.11
FPT	105.30	6.90%	2.64	1.70
VCB	73.00	1.53%	1.99	8.36
MWG	87.00	3.57%	0.97	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	112.50	9.97%	1.48	0.23
HUT	16.20	2.53%	0.25	1.07
DHT	71.90	4.20%	0.15	0.09
DTK	13.40	2.29%	0.12	0.68
BAB	12.80	1.59%	0.12	1.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DGW	46.00	6.98%	0.16	4.80
HRC	28.45	6.95%	0.01	0.00
FPT	105.30	6.90%	2.73	24.01
TCO	8.85	6.88%	0.00	0.26
TIP	19.70	6.78%	0.02	0.45

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	44.10	9.98%	0.16	0.04
PVI	112.50	9.97%	10.88	0.97
HMH	17.70	9.94%	0.10	0.00
VHL	13.30	9.92%	0.14	0.01
AMC	15.70	9.79%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	99.80	-3.11%	-1.60	2.41
GVR	35.90	-3.88%	-1.19	4.00
HDB	28.45	-3.72%	-1.13	5.01
MCH	160.00	-3.03%	-1.09	1.06
HVN	29.50	-3.75%	-0.73	3.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	145.20	-5.28%	-0.86	0.20
KSF	65.00	-1.52%	-0.50	0.90
PVS	38.50	-3.02%	-0.34	0.51
NVB	13.60	-2.16%	-0.32	1.92
SHS	20.20	-1.46%	-0.15	0.90

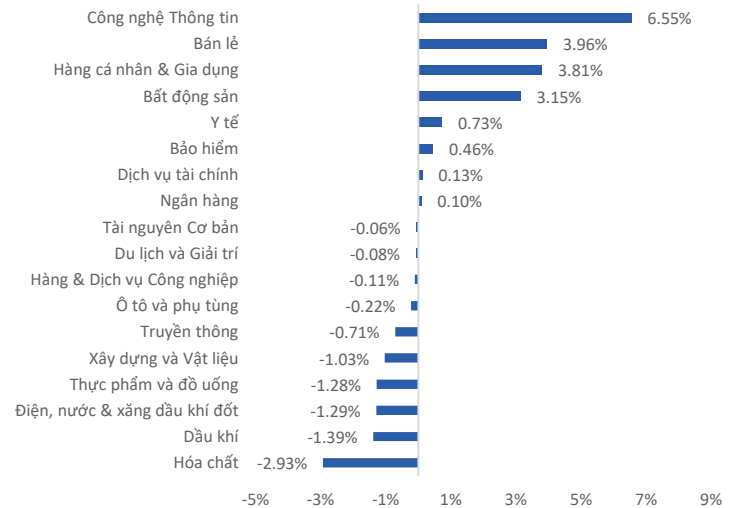
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	41.30	-6.98%	-0.06	0.00
PMG	11.20	-6.67%	-0.01	0.01
DAT	8.94	-5.80%	-0.01	0.02
VTP	122.00	-5.35%	-0.18	1.93
CSV	30.90	-4.63%	-0.03	1.61

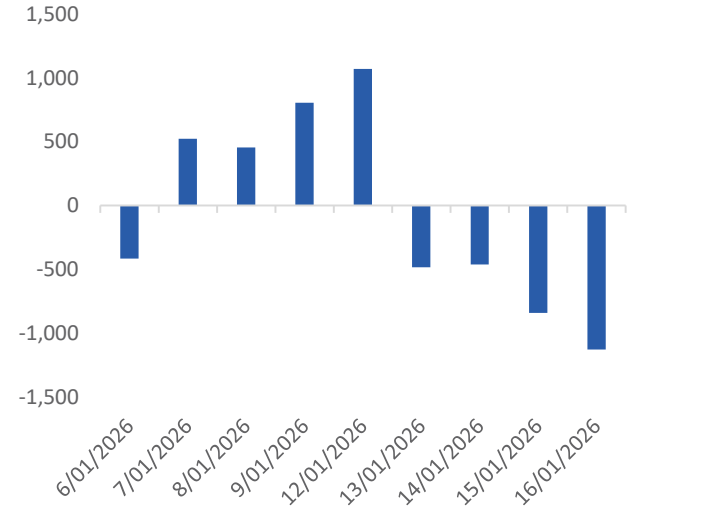
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CET	8.30	-9.78%	-0.02	0.00
DST	11.10	-9.76%	-0.14	0.18
ALT	12.60	-9.35%	-0.03	0.00
VE3	7.10	-8.97%	0.00	0.00
KKC	6.10	-8.96%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.0	-2.3%	1.2	126,287	671.2	3,957	21.7		47.9%	
KBC	Bất động sản	36.3	0.7%	1.1	33,950	238.0	1,872	19.3		10.3%	
KDH	Bất động sản	30.1	3.6%	1.1	32,600	268.6	857	33.9		27.7%	
PDR	Bất động sản	17.9	0.6%	1.4	17,711	307.2	211	84.2		8.4%	
VHM	Bất động sản	120.0	-5.0%	1.4	518,766	2335.8	6,133	20.6		8.6%	
FPT	Công nghệ Thông tin	98.5	-1.3%	0.8	170,010	1033.3	5,280	18.9		39.3%	
BSR	Dầu khí	20.7	-3.3%	0.0	107,156	622.2	413			1.3%	
PVS	Dầu khí	39.7	-1.5%	1.4	20,610	462.4	2,841	14.2		14.7%	
HCM	Dịch vụ tài chính	26.1	-1.7%	1.2	28,619	859.1	1,319	20.1		34.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.7	-2.1%	1.1	83,078	1397.8	1,842	18.1		33.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.9	-1.8%	0.9	30,179	399.2	1,566	22.7		17.2%	
DCM	Hóa chất	35.7	-2.7%	1.1	19,429	127.0	3,578	10.3		3.9%	
DGC	Hóa chất	67.3	5.3%	1.1	24,268	488.6	8,296	7.7		6.2%	
ACB	Ngân hàng	24.9	1.0%	0.8	126,619	368.2	3,385	7.3		28.6%	
CTG	Ngân hàng	40.0	-3.5%	1.0	321,940	1139.2	4,292	9.7		25.7%	
HDB	Ngân hàng	29.6	6.9%	1.1	138,396	1068.7	3,009	9.2		23.2%	
MBB	Ngân hàng	27.3	0.4%	1.0	218,693	972.8	3,017	9.0		21.8%	
MSB	Ngân hàng	12.6	0.0%	1.0	39,312	108.6	1,729	7.3		29.4%	
STB	Ngân hàng	57.8	6.8%	0.9	101,990	1345.4	6,519	8.3		13.9%	
TCB	Ngân hàng	35.6	-2.5%	1.1	258,648	985.2	3,111	11.7		22.5%	
TPB	Ngân hàng	17.4	-0.6%	1.1	48,546	173.6	2,358	7.4		25.0%	
VCB	Ngân hàng	71.9	-5.4%	0.8	635,031	1723.9	4,202	18.1		21.5%	
VIB	Ngân hàng	18.4	1.4%	0.8	61,783	249.9	2,225	8.2		5.0%	
VPB	Ngân hàng	29.0	-1.7%	1.0	234,051	1049.1	2,603	11.3		24.9%	
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	1.3%	0.9	209,156	1711.3	1,876	14.5		20.1%	
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	4.3%	1.0	10,122	214.9	1,184	13.8		4.9%	
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.3	-1.6%	1.0	11,065	151.0	4,150	6.9		2.4%	
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.0	0.5%	1.1	116,541	754.0	2,196	36.7		22.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	71.0	4.9%	0.6	141,490	1381.3	4,160	16.3		50.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	-2.49%	1.2	9,754	96.1	2,409	18.3	22.0%		
FRT	Bán lẻ	146.0	0.69%	1.0	24,694	50.9	3,620	40.1	32.2%		
BVH	Bảo hiểm	73.2	6.86%	1.1	50,849	152.1	3,578	19.1	26.7%		
DIG	Bất động sản	16.5	-1.20%	1.2	13,300	226.1	516	32.3	3.4%		
DXG	Bất động sản	16.0	0.31%	1.1	17,687	279.1	397	40.1	24.9%		
HDC	Bất động sản	21.6	2.13%	1.1	4,215	86.0	2,445	8.6	2.9%		
HDG	Bất động sản	26.6	0.38%	1.2	9,804	74.6	938	28.2	20.1%		
IDC	Bất động sản	39.5	-1.25%	1.3	15,180	96.5	4,849	8.3	11.7%		
NLG	Bất động sản	31.2	0.65%	1.1	15,038	129.0	2,180	14.2	43.6%		
SIP	Bất động sản	57.1	1.06%	1.0	13,679	32.0	5,474	10.3	3.2%		
SZC	Bất động sản	31.5	-0.63%	0.9	5,697	36.1	1,763	18.0	2.8%		
TCH	Bất động sản	16.0	0.00%	1.3	14,548	126.4	801	19.9	10.8%		
VIC	Bất động sản	153.0	-4.49%	1.5	1,234,506	1420.3	1,147	139.6	3.0%		
VRE	Bất động sản	31.5	-1.10%	1.3	72,260	503.4	2,144	14.8	13.6%		
CMG	Công nghệ Thông tin	36.5	6.89%	1.0	7,942	47.5	1,680	20.3	38.2%		
PLX	Dầu khí	51.8	6.80%	0.8	61,624	757.8	2,090	23.2	14.8%		
PVD	Dầu khí	29.1	-2.19%	0.9	16,510	335.1	1,602	18.5	10.9%		
FTS	Dịch vụ tài chính	33.7	-1.03%	1.2	11,781	50.2	1,262	26.9	25.1%		
MBS	Dịch vụ tài chính	27.7	-0.36%	1.8	18,312	191.1	1,653	16.8	2.3%	15.2%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	103.0	-3.74%	0.9	258,186	374.4	5,014	21.3	2.2%		
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	-2.40%	1.0	44,791	243.2	676	21.6	5.0%		
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.3	0.00%	0.8	33,745	36.6	4,776	13.0	49.0%		
VJC	Du lịch và Giải trí	180.5	-4.70%	0.6	112,051	303.7	2,897	65.4	7.3%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.2	1.69%	1.1	37,450	476.5	2,313	17.9	8.8%		
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.5	0.79%	0.9	26,869	59.3	3,494	18.0	41.3%		
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.6	0.17%	0.7	9,710	117.3	6,185	9.3	7.2%		
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	-1.91%	0.9	9,822	112.1	2,090	10.0	10.6%		
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	128.9	4.80%	0.0	14,979	207.0	3,139	39.2	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	101.5	0.00%	0.8	34,627	75.9	6,910	14.7	49.0%		
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.9	-0.36%	0.8	3,137	46.8	2,535	11.1	48.6%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.6	-0.96%	1.4	2,678	27.7	2,853	7.3	16.8%		
DPM	Hóa chất	24.3	-2.41%	1.0	16,930	132.8	1,212	20.5	4.0%		
GVR	Hóa chất	37.4	2.75%	1.2	145,400	417.3	1,569	23.2	0.5%		
EIB	Ngân hàng	23.1	0.22%	1.1	42,936	492.4	1,635	14.1	3.1%		
LPB	Ngân hàng	41.5	-0.48%	0.4	124,570	141.8	3,469	12.0	0.9%		
NAB	Ngân hàng	14.9	-1.00%	0.0	25,735	21.8	2,337	6.4	1.7%		
OCB	Ngân hàng	12.2	0.41%	0.9	32,223	32.3	1,460	8.3	19.7%		
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	3.53%	1.0	6,982	227.6	571	27.3	5.4%		
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.4	-1.86%	1.2	7,162	25.4	2,829	9.5	3.6%		
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.5	-0.26%	0.6	11,720	53.7	1,715	22.5	3.9%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	52.7	-1.86%	0.8	68,874	331.1	3,373	15.9	58.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.5	-1.16%	1.0	13,512	61.7	6,944	8.7	19.7%		
BMP	Xây dựng và Vật liệu	174.0	-0.57%	0.4	14,326	26.1	14,639	12.0	85.1%		
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.3	-2.33%	1.0	8,211	50.3	6,245	12.4	49.0%		
CTR	Xây dựng và Vật liệu	107.0	-0.93%	1.0	12,354	181.0	5,128	21.1	5.3%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.0	2.82%	1.0	4,118	77.5	3,037	13.5	5.7%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	-0.39%	1.1	7,059	70.8	1,099	11.7	10.7%		
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.6	6.00%	0.8	9,933	307.7	1,377	17.5	13.9%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.3	-0.85%	1.0	15,192	120.6	6,148	3.8	4.6%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.9	0.62%	1.2	21,790	96.9	3,090	15.7	2.5%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitíc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>